

BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm
và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2019**

Thực hiện Công văn số 975/SNV-CCHC ngày 18/7/2016 của Sở Nội vụ về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch CCHC năm và thực hiện chế độ báo cáo CCHC định kỳ theo quy định, UBND huyện Ia Pa báo cáo tình hình thực hiện công tác CCHC 6 tháng đầu năm và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2019 cụ thể như sau:

I/ CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

Trên cơ sở các Kế hoạch cải cách hành chính của tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện đã xây dựng và ban hành Quyết định số 729/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 về việc ban hành Kế hoạch Cải cách hành chính; Quyết định số 03/QĐ-UBND về việc ban hành Kế hoạch tuyên truyền công tác cải cách hành chính; Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 05/01/2019 để thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và công tác hòa giải tại cơ sở và tiếp cận chuẩn pháp luật; Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 04/01/2019 về theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; Kế hoạch số 42/KH-UBND ngày 29/3/2019 về kiểm tra công tác CCHC; Kế hoạch số 47/KH-UBND ngày 04/4/2019 về kiểm tra tình hình hoạt động và thực hiện quy chế làm việc; Kế hoạch số 42/KH-UBND ngày 14/02/2019 thực hiện tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính.

Qua đó, đã phân công cho từng cơ quan, đơn vị phụ trách các nội dung liên quan đến công tác cải cách hành chính, tạo mối quan hệ trong việc phối hợp tham mưu chỉ đạo, quản lý thực hiện các nội dung cải cách hành chính được thuận lợi, hiệu quả. Đồng thời, thường xuyên đôn đốc, nhắc nhở để UBND các xã chủ động xây dựng kế hoạch cải cách hành chính năm 2019 dựa trên kế hoạch cải cách hành chính của huyện, tỉnh. Nhìn chung, việc thực hiện kế hoạch cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2019 của các cơ quan, đơn vị và UBND xã đảm bảo yêu cầu tiến độ thời gian đề ra.

2. Công tác tuyên truyền cải cách hành chính

Đã ban hành Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 05/01/2019 về việc ban hành Kế hoạch tuyên truyền công tác CCHC năm 2019; Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 05/01/2019 để thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và công tác hòa giải tại cơ sở và tiếp cận chuẩn pháp luật năm 2019 trên địa bàn huyện. Kế hoạch đã thể hiện rõ nội dung, hình thức thông tin, tuyên truyền phù hợp với Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011-2020.

Đã thực hiện được 22 buổi tuyên truyền với 1.150 người tham dự; cấp phát được hơn 500 tài liệu tuyên truyền các loại; đăng 43 tin bài về pháp luật, phát trên phương tiện thông tin đại chúng. Đồng thời, Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao huyện đã phối hợp tuyên truyền được 23 bản tin và 02 bài về công tác cải cách hành chính trên trang thông tin điện tử của đài. Công tác thông tin, tuyên truyền về cải cách hành chính được thực hiện thường xuyên, kịp thời, có hiệu quả, góp phần phản ánh tình hình thực hiện cải cách hành chính tại địa phương. Thông tin, nội dung tuyên truyền về cải cách hành chính được thực hiện theo kế hoạch tuyên truyền công tác cải cách hành chính năm 2019, đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của huyện.

II/ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Về cải cách thể chế

Công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật tiếp tục được quan tâm triển khai thực hiện. UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 10/01/2019 về triển khai công tác văn bản QPPL trên địa bàn.

Công tác theo dõi thi hành pháp luật luôn được UBND huyện quan tâm, chỉ đạo và đã ban hành Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 04/01/2019 về theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2019. Đã ban hành quyết định kiểm tra theo dõi thi hành pháp luật và xử phạt vi phạm hành chính năm 2019.

Công tác thẩm định văn bản QPPL: Trong 6 tháng đầu năm 2019, đã thẩm định 01 văn bản QPPL thuộc thẩm quyền ban hành của UBND huyện: Dự thảo Quyết định ban hành Quy chế hoạt động bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện theo đúng quy định.

Công tác kiểm tra văn bản QPPL theo thẩm quyền: dự kiến sẽ tiến hành kiểm tra cùng với công tác cải cách hành chính trong thời gian tới.

2. Về cải cách thủ tục hành chính

2.1 Thực hiện cải cách thủ tục hành chính (TTHC) trên các lĩnh vực quản lý nhà nước theo quy định của Trung ương, của tỉnh

UBND huyện đã đăng ký nội dung rà soát TTHC tại Văn bản số 1500/UBND-TP ngày 21/11/2018, qua đó đã đăng ký rà soát 01 thủ tục hành chính: Thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân.

2.2 Kiểm soát thủ tục hành chính

a) Kiểm soát việc ban hành mới các TTHC thuộc thẩm quyền của cơ quan, địa phương

Đến ngày 17/5/2019, UBND huyện cập nhật và kiểm soát được 319 thủ tục hành chính trên các lĩnh vực được Chủ tịch UBND tỉnh công bố thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND huyện; 175 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND các xã đang còn hiệu lực.

b) Về rà soát, đánh giá và thực hiện các quy định về đơn giản hóa TTHC

Đã ban hành Văn bản số 1500/UBND-TP ngày 21/11/2018 về việc đăng nội dung rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2019, qua đó đã đăng ký rà soát 01 thủ tục hành chính: Thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân.

Ngoài ra, Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân xã tự rà soát các TTHC đang thực hiện tại cơ quan, đơn vị để kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ những quy định về thủ tục hành chính không cần thiết, không phù hợp, không đảm bảo nguyên tắc; kiến nghị đơn giản hóa thủ tục hành chính nhằm cắt giảm chi phí tuân thủ TTHC cho cá nhân, tổ chức trong việc giải quyết TTHC.

UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân các xã rà soát các thủ tục hành chính mới ban hành để tiếp nhận hồ sơ theo nguyên tắc đơn giản hóa thủ tục hành chính, đảm bảo đúng thành phần, không yêu cầu thêm hoặc bớt hồ sơ và giải quyết trả kết quả cho tổ chức, cá nhân đúng thời gian quy định.

Kết quả thực hiện tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị: Việc niêm yết, công khai thông tin tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính theo mẫu tại Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ và Quyết định số 13/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính trên địa bàn tỉnh Gia Lai đã được UBND huyện triển khai thực hiện tại Thông báo số 66/TB-UBND ngày 23/8/2018. Theo đó đã thông báo công khai trên Cổng thông tin điện tử huyện, niêm yết công khai tại Bộ phận Một cửa huyện, trụ sở UBND các xã. Trong 6 tháng đầu năm 2019, chưa có tổ chức, công dân nào phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính cũng như việc tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa huyện.

c) Về công khai thủ tục hành chính

Việc thực hiện niêm yết, công khai TTHC được Văn phòng HĐND-UBND huyện cập nhật thường xuyên, đầy đủ, kịp thời, đúng quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính. Các TTHC được niêm yết công khai thông qua các hình thức như: Đăng tải công khai đầy đủ 319 thủ tục hành chính trên Cổng thông tin điện tử huyện; đóng thành tập niêm yết trên bảng cố định tại Bộ phận một cửa huyện, ở vị trí thích hợp, tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân dễ tiếp cận để tra cứu, tìm hiểu các thông tin TTHC.

Công khai địa chỉ, hộp thư điện tử, số điện thoại chuyên dùng, hòm thư góp ý của cơ quan tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức về

quy định hành chính tại các cơ quan, đơn vị và UBND xã để thuận tiện cho việc tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của công dân, cơ quan, tổ chức.

3. Về cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

3.1 Rà soát về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế của cơ quan, địa phương

Tổ chức sắp xếp các phòng, ban chuyên môn thuộc huyện theo Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ về quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh. Hiện nay, UBND huyện có 13 cơ quan chuyên môn hành chính và 05 đơn vị sự nghiệp. Tổng số biên chế hành chính của huyện là 69/81 CBCC và 04 hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP. Các cơ quan, đơn vị đã ban hành và thực hiện tốt quy chế làm việc của cơ quan, đơn vị.

3.2 Về thực hiện phân cấp quản lý

Đã thực hiện phân cấp quản lý theo đúng quy định, thường xuyên kiểm tra, giám sát đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ đã phân cấp. Đến thời điểm này chưa để xảy ra vi phạm nào liên quan đến việc chồng chéo trong công tác phân cấp quản lý.

3.3 Triển khai thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công của cơ quan, địa phương

Đã thực hiện theo đúng các văn bản quy định hiện hành về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công trực thuộc gắn với đặc thù công việc của từng đơn vị.

3.4 Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

Ủy ban nhân dân huyện đã triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương; đã tham mưu xây dựng quy chế hoạt động tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả huyện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ; bãi bỏ các văn bản không còn hiệu lực tại Bộ phận một cửa huyện.

- Cơ quan, đơn vị thực hiện cơ chế một cửa: UBND huyện và UBND 9 xã trên địa bàn huyện.

- Số TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa: 319 TTHC.

- Số TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông liên thông: 4 nhóm TTHC.

- Theo thống kê trên sổ theo dõi Hệ thống một cửa điện tử huyện, việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa huyện, tính đến ngày 25/5/2019, như sau:

- Số hồ sơ đã tiếp nhận: 718 hồ sơ, trong đó:

+ Số hồ sơ đã giải quyết xong đúng hạn: 603 hồ sơ; đang giải quyết: 108 hồ sơ

+ Số hồ sơ giải quyết xong trễ hạn: 07 hồ sơ

Việc xin lỗi bằng văn bản đối với cá nhân, tổ chức đối với hồ sơ giải quyết quá hạn đã được UBND huyện chỉ đạo, nhắc nhở. Trong đó, đã thực hiện văn bản xin lỗi 02 hồ sơ, 05 hồ sơ do công chức quên kích trả kết quả trên hệ thống và đã thực hiện văn bản giải trình cụ thể. *(Có phụ lục xin lỗi kèm theo).*

4. Về xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

4.1 Về xác định vị trí việc làm và cơ cấu công chức, viên chức

Đã xây dựng Đề án vị trí việc làm cơ cấu công chức, viên chức, cụ thể: Đề án số 02/ĐA-UBND ngày 19/10/2017 của UBND huyện về việc xây dựng Đề án vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập huyện Ia Pa; Đề án số 02/ĐA-UBND ngày 01/8/2014 của UBND huyện về việc xây dựng Đề án vị trí việc làm, cơ cấu công chức trong cơ quan, đơn vị đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 928/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 và Quyết định số 1167/QĐ-UBND ngày 28/12/2017. Thực hiện Văn bản số 1423/SNV-TCBC ngày 05/10/2018 của Sở Nội vụ về việc thông báo kết quả thẩm định mô tả vị trí việc làm và khung năng lực trong các đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 38/QĐ-UBND ngày 30/01/2019 Phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của viên chức trong các đơn vị trường học huyện Ia Pa.

4.2 Về cán bộ, công chức cấp xã

Tổng số Cán bộ, công chức cấp xã hiện có: 194 người, cụ thể về trình độ chuyên môn, lý luận chính trị:

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ: 02/194 (1%); Đại học: 65/194 (33,5%); Cao đẳng: 12/194 (6,2%); Trung cấp: 83/194 (42,8%); Sơ cấp: 03/194 (1,5%); Chưa qua đào tạo: 29/194 (14,9%)

- Lý luận chính trị: Cao cấp: 5/193 (2,6%); Trung cấp: 114/193 (58,8%); Sơ cấp: 48/193 (24,7%); còn lại: 27/194 (13,9%)

4.3 Thực hiện các quy định về quản lý cán bộ, công chức, viên chức

Công tác quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện tiếp tục được thực hiện theo quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Thực hiện đúng các quy định về tuyển dụng công chức, viên chức và các chế độ, chính sách khác đối với cán bộ, công chức, viên chức tại địa phương.

4.4 Về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tiếp tục được quan tâm triển khai thực hiện. Trên cơ sở Quyết định số 124/QĐ-TTg, Công văn

số 127/SNV-CCHC ngày 24/01/2019 của Sở Nội vụ về việc triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2019, UBND huyện đã xây dựng và ban hành Kế hoạch số 25/KH-UBND ngày 21/02/2019 về đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách cấp xã năm 2019. Trong 6 tháng đầu năm 2019, đã cử 02 cán bộ xã tham gia học Đại học nâng cao trình độ, nghiệp vụ chuyên môn; triệu tập 07 chỉ huy trưởng BCH QS các xã tham gia tập huấn; đăng ký 09 CBCC cấp xã phụ trách đài truyền thanh tham gia tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ; phối hợp chọn cử CBCCVC và người lao động tham gia Hội thi Tin học trẻ tỉnh Gia Lai lần thứ XIX; triệu tập 05 công chức Văn phòng - Thống kê xã tham gia bồi dưỡng kiến thức chuyên môn.

5. Cải cách tài chính công

5.1 Tình hình triển khai các chính sách cải cách về thuế, thu nhập, tiền lương, tiền công và các chính sách an sinh xã hội

Trên cơ sở Luật số 71/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế, các văn bản hướng dẫn là một bước quan trọng nữa giúp giảm thiểu và đơn giản hóa nhiều thủ tục hành chính về thuế, làm giảm thiểu thời gian thực hiện thủ tục hành chính về thuế của người nộp thuế.

Việc tổ chức thực hiện các chính sách thuế, thu nhập, tiền lương, tiền công và chính sách an sinh xã hội: thực hiện đúng quy định của pháp luật hiện hành, các khoản thuế thu nộp ngân sách nhà nước được trích theo đúng tỷ lệ; tiền lương, tiền công của người lao động cấp đủ cho các cơ quan, đơn vị.

5.2 Thực hiện đổi mới cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập

a) Về thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP

Tiếp tục thực hiện theo cơ chế quản lý tài chính, quy định chế độ tự chủ tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan quản lý nhà nước, năm 2018 có 19/19 đơn vị thực hiện khoán biên chế, chi hành chính theo Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ.

- Tổng số cơ quan cần phải thực hiện cơ chế tự chủ: 19 cơ quan
- Cơ quan thực hiện chế độ tự chủ: 19 cơ quan
- Tổng số cơ quan đã ban hành cơ chế chi tiêu nội bộ: 19 cơ quan
- Tổng số cơ quan đã ban hành quy chế quản lý tài sản công: 19 cơ quan
- Tổng số cơ quan có mức tăng thu nhập cho cán bộ công chức từ 0,3 lần mức tiền lương theo cấp bậc, chức vụ trở lên: 0 cơ quan.

b) Về thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP, 16/2015/NĐ-CP

Các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn huyện được giao thực hiện quyền tự chủ đã có chuyển biến về chất lượng và hiệu quả công việc cụ thể như: tăng cường công tác quản lý trong nội bộ, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, thúc đẩy phát triển hoạt động sự nghiệp, nâng cao trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan và tăng cường giám sát của cán bộ, nhân viên trong việc sử dụng biên chế, kinh phí hoạt động để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Các dịch vụ công như y tế, giáo dục, phát thanh, truyền hình, thông tin lưu động...triển khai thực hiện thường xuyên, liên tục, cơ bản đáp ứng nhu cầu của người dân trên địa bàn huyện.

- Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập cần phải thực hiện cơ chế tự chủ: 36 đơn vị.

- Tổng số đơn vị đã thực hiện chế độ tự chủ: 36 đơn vị.

- Tổng số đơn vị đã ban hành quy chế quản lý tài sản công: 36 đơn vị.

- Số đơn vị tự đảm bảo hoàn toàn bộ chi thường xuyên: 01 đơn vị.

- Số đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên: 21 đơn vị.

- Số đơn vị do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên: 14 đơn vị.

- Tổng số đơn vị sự nghiệp cấp huyện cần phải thực hiện cơ chế tự chủ: 36 đơn vị.

- Tổng số cơ quan đã thực hiện chế độ tự chủ: 36 đơn vị.

- Tổng số cơ quan đã ban hành quy chế quản lý tài sản công: 36 cơ quan.

- Tổng số cơ quan có mức tăng thu nhập cho cán bộ công chức từ 0,3 lần mức tiền lương theo cấp bậc, chức vụ trở lên: 0 cơ quan.

5.3 Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động các nguồn lực chăm lo phát triển giáo dục và đào tạo, y tế, thể dục, thể thao

Ủy ban nhân dân huyện đã sử dụng hiệu quả các nguồn lực để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng; tập trung vốn nhà nước để đầu tư các công trình trên các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, y tế, dân số - kế hoạch hóa gia đình, thể dục, thể thao. Tuy nhiên, do là huyện nghèo, nên việc thu hút xã hội hóa còn nhiều hạn chế, hoạt động chủ yếu vẫn dựa vào nhà ngân sách nhà nước.

6. Hiện đại hóa nền hành chính

6.1 Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước

Huyện có 13 phòng ban chuyên môn, UBND 09 xã và 5 đơn vị sự nghiệp thuộc UBND huyện đã triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong xử lý công việc.

Đến nay, đã đạt 100% các cơ quan chuyên môn có kết nối Internet bằng đường truyền ADSL, cáp quang. Tỷ lệ máy tính/CBCC và các thiết bị khác tại các cơ quan, đơn vị đạt 100%. Tỷ lệ CBCC sử dụng thư điện tử công vụ để trao đổi công việc đạt trên 85%.

- Về ứng dụng phần mềm quản lý văn bản tại các cơ quan hành chính:

Các cơ quan, đơn vị, UBND xã đã thực hiện trao đổi văn bản điện tử qua hệ thống Quản lý văn bản và điều hành liên thông (trừ Cơ quan Công an, Quân sự huyện, các Ban Đảng Huyện ủy và một số đoàn thể huyện do tính chất đặc thù riêng nên chưa sử dụng hệ thống). Các đơn vị đã thực hiện tiếp nhận, xử lý và ban hành văn bản đi (được ký số) qua hệ thống Quản lý văn bản và điều hành liên thông. Tuy nhiên việc ứng dụng phần mềm QLVBĐH trong tham mưu văn bản đi của các đơn vị chưa được đồng bộ toàn cơ quan (Chuyên viên → Lãnh đạo phòng → Lãnh đạo UBND huyện → Văn thư), hiện nay văn bản đi chỉ phát sinh từ Văn thư thực hiện ban hành, scan, ký số, liên thông trên hệ thống QLVBĐH (chỉ có một số văn bản giao nhiệm vụ được ban hành theo đúng luồng văn bản).

- Tình hình xây dựng và quản lý trang thông tin điện tử (hoặc trang web) của huyện:

+ Giấy phép hoạt động Cổng thông tin điện tử: Giấy phép số 09/GP-TTĐT ngày 27/11/2018 của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Gia Lai.

+ Chất lượng Trang thông tin điện tử thành phần của cấp xã: Các mục thông tin tối thiểu của Cổng/Trang thông tin điện tử của cơ quan đáp ứng theo khoản 2 Điều 28 Luật Công nghệ thông tin, Điều 10 Nghị định số 43/2011/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư số 32/2017/BTTTT ngày 15/11/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ tiêu chí đánh giá và xếp hạng mức độ Chính quyền điện tử cấp huyện. Các thủ tục hành chính chưa được cập nhật đầy đủ, các chuyên mục hầu hết chưa có nội dung, thông tin liên hệ lãnh đạo chưa cập nhật.

+ Chất lượng cung cấp thông tin trên Cổng thông tin điện tử của huyện: Các văn bản chỉ đạo, văn bản QPPL, các tin bài, các TTHC có sự thay đổi đã được cập nhật thường xuyên trên Cổng thông tin điện tử của huyện.

+ Cung cấp TTHC: đã cung cấp đầy đủ, công khai 319 TTHC, đạt tỷ lệ 100% trên Cổng thông tin điện tử; đã thực hiện công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên Cổng thông tin điện tử.

- *Về triển khai chứng thư số:* UBND huyện đã phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông cấp bổ sung chứng thư số cho 7 đơn vị, nâng số đơn vị được cấp là 31 đơn vị, 4 cá nhân. Đến nay, các cơ quan, đơn vị được cấp chứng thư số đã sử dụng chứng thư số để thực hiện ban hành văn bản đi.

- *Về hội nghị trực tuyến:* Hệ thống Hội nghị truyền hình được duy trì hoạt động thường xuyên, ổn định và thông suốt. Việc sử dụng hệ thống Hội nghị trực tuyến góp phần giúp các cơ quan, đơn vị và UBND xã có thể tham gia các cuộc họp do tỉnh tổ chức. UBND huyện tiếp tục đầu tư mở rộng hệ thống hội nghị

truyền hình đến 04 xã (Chư Răng, Ia Trôk, Ia Kdăm, Ia Tul), dự kiến cuối năm sẽ hoàn thành.

- Về xây dựng kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan, địa phương: UBND huyện đã xây dựng kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin năm 2019 (Kế hoạch số 92/KH-UBND ngày 13/12/2018) theo đúng thời gian quy định.

- Tình hình triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến: Hiện nay, Cổng thông tin điện tử của UBND huyện có trên 319 TTHC được cung cấp DVCTT mức độ 1; hầu hết TTHC được cung cấp DVCTT mức độ 2; Đến thời điểm này, huyện đã được tỉnh đầu tư xây dựng 29 TTHC cung cấp dịch vụ công mức độ 3, tuy nhiên đến nay vẫn chưa phát sinh hồ sơ. Đối với dịch vụ công mức độ 4, huyện chưa triển khai.

6.2 Về áp dụng ISO trong hoạt động của cơ quan hành chính

Trong 6 tháng đầu năm 2019, huyện sẽ tiếp tục đôn đốc các cơ quan, đơn vị, UBND các xã xây dựng quy trình giải quyết nội bộ đối với các TTHC còn hiệu lực; tiếp tục duy trì, áp dụng tốt hệ thống quản lý chất lượng tại UBND huyện và bám sát quy trình để giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân theo đúng quy định.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Nhìn chung, công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính từ huyện đến xã đã được UBND huyện tập trung quan tâm, chỉ đạo thường xuyên và có những chuyển biến tích cực. Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã đã chủ động triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC theo nhiệm vụ cụ thể đã được phân công tại Kế hoạch CCHC của huyện.

2. Tồn tại, hạn chế trong thực hiện cải cách hành chính

- Các thủ tục hành chính thường xuyên thay đổi làm cho địa phương còn lúng túng trong việc tổ chức thực hiện

- Công tác cập nhật, rà soát các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính tại các cơ quan, đơn vị đôi lúc chưa kịp thời gây khó khăn cho công tác cập nhật các quy trình luân chuyển hồ sơ trên hệ thống Một cửa điện tử.

III. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CCHC TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Tiếp tục triển khai Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ về ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính giai đoạn 2011 - 2020; Quyết định số 442/QĐ-UBND ngày 01/7/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016-2020.

2. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa,

một cửa liên thông tại các cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng chính phủ về hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018.

3. Duy trì, áp dụng có hiệu quả Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 trên địa bàn huyện.

4. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động chỉ đạo, điều hành của hệ thống hành chính Nhà nước; ứng dụng có hiệu quả hệ thống quản lý văn bản điều hành, một cửa điện tử huyện, xã; cung cấp đầy đủ các nội dung, công khai các TTHC trên Cổng thông tin điện tử huyện.

5. Tăng cường công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị liên quan trong triển khai kế hoạch cải cách hành chính; tiếp tục tăng cường vai trò chỉ đạo, điều hành của người đứng đầu các cơ quan hành chính các cấp.

6. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền bằng nhiều hình thức như: băng rôn, khẩu hiệu...giúp toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân toàn huyện hiểu và tham gia tích cực công tác cải cách hành chính.

7. Tiếp tục quan tâm cho việc đào tạo cán bộ, công chức, viên chức trong việc bồi dưỡng, nâng cao năng lực công tác, trình độ chuyên môn nghiệp vụ nhằm xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC

8. Thực hiện tốt cơ chế cải cách tiền lương và các chế độ, chính sách đối với CBCC, người lao động theo lộ trình cải cách tiền lương của Chính phủ năm 2019

9. Tăng cường công tác kiểm tra đột xuất đối với việc chấp hành giờ giấc làm việc tại các cơ quan, đơn vị và UBND xã.

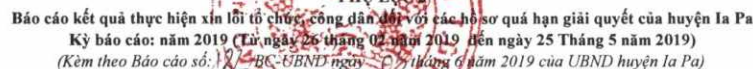
Trên đây là báo cáo tình hình, kết quả công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện Ia Pa để UBND tỉnh, Sở Nội vụ biết theo dõi và chỉ đạo. 

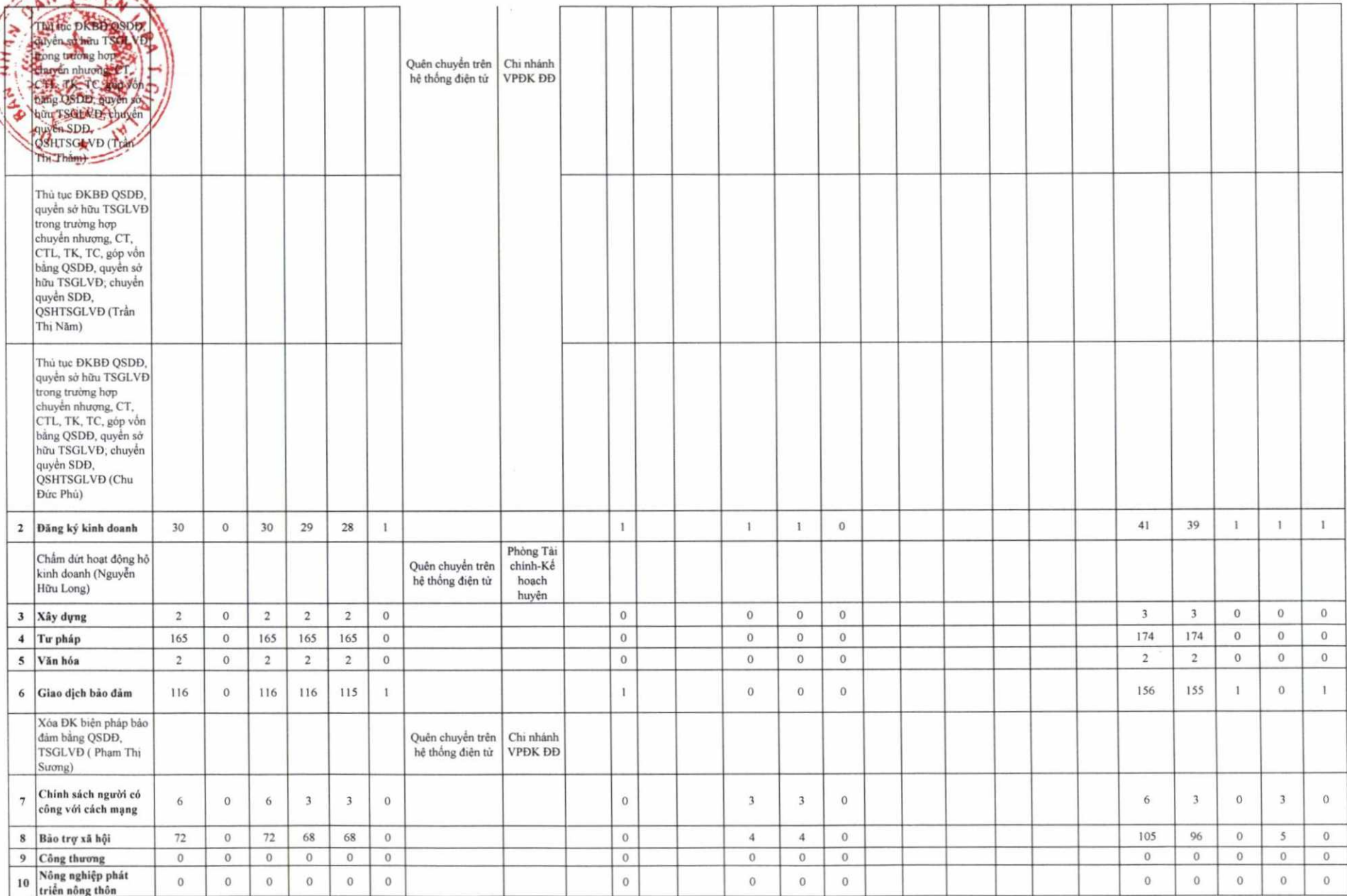
Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Công TTĐT huyện;
- Lưu: VT 



Nguyễn Thế Hùng

[illegible]





11	Viễn thông và Internet	0	0	0	0	0	0				0			0	0	0					0	0	0	0	0
12	Nội vụ	0	0	0	0	0	0				0			0	0	0					0	0	0	0	0
13	Giáo dục - Đào tạo	13	0	13	13	13	0				0			0	0	0					15	14	0	1	0
14	An toàn xã hội thực phẩm	0	0	0	0	0	0				0			0	0	0					0	0	0	0	0
15	Thi đua, Khen thưởng	7	0	7	7	7	0				0			0	0	0					33	33	0	0	0
16	Tôn giáo	3	0	3	3	3	0				0			0	0	0					3	3	0	0	0
17	Bồi thường nhà nước	0	0	0	0	0	0				0			0	0	0					0	0	0	0	0
18	Giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo	0	0	0	0	0	0				0			0	0	0					0	0	0	0	0
II	CẤP XÃ	5669	0	5669	5667	5667	0							2	2	0					8256	8257	0	0	0
1	Khiếu nại tố cáo	6	0	6	4	4	0							2	2	0					7	7	0	0	0
	Pờ Tô	0	0	0	0	0	0							0	0	0					1	1	0	0	0
	Chư Răng	0	0	0	0	0	0							0	0	0					0	0	0	0	0
	Kim Tân	4	0	4	4	4	0							0	0	0					4	4	0	0	0
	Ìa Mron	0	0	0	0	0	0							0	0	0					0	0	0	0	0
	Ìa Kdăm	0	0	0	0	0	0							0	0	0					1	1	0	0	0
	Ìa Tul	0	0	0	0	0	0							0	0	0					0	0	0	0	0
	Chư Mố	0	0	0	0	0	0							0	0	0					0	0	0	0	0
	Ìa Broãi	2	0	2	0	0	0							2	2	0					0	0	0	0	0
	Ìa Trok	0	0	0	0	0	0							0	0	0					1	1	0	0	0
2	Bảo trợ xã hội	53	0	53	53	53	0							0	0	0					95	95	0	0	0
	Pờ Tô	0	0	0	0	0	0							0	0	0					0	0	0	0	0
	Chư Răng	3	0	3	3	3	0							0	0	0					3	3	0	0	0
	Kim Tân	7	0	7	7	7	0							0	0	0					7	7	0	0	0
	Ìa Mron	3	0	3	3	3	0							0	0	0					15	15	0	0	0
	Ìa Kdăm	3	0	3	3	3	0							0	0	0					8	8	0	0	0
	Ìa Tul	4	0	4	4	4	0							0	0	0					7	7	0	0	0
	Chư Mố	7	0	7	7	7	0							0	0	0					7	7	0	0	0
	Ìa Broãi	17	0	17	17	17	0							0	0	0					34	34	0	0	0
	Ìa Trok	9	0	9	9	9	0							0	0	0					14	14	0	0	0
3	Chính sách người có công với cách mạng	7	0	7	7	7	0							0	0	0					22	22	0	0	0
	Pờ Tô	0	0	0	0	0	0							0	0	0					0	0	0	0	0
	Chư Răng	0	0	0	0	0	0							0	0	0					0	0	0	0	0
	Kim Tân	7	0	7	7	7	0							0	0	0					7	7	0	0	0
	Ìa Mron	0	0	0	0	0	0							0	0	0					0	0	0	0	0
	Ìa Kdăm	0	0	0	0	0	0							0	0	0					0	0	0	0	0
	Ìa Tul	0	0	0	0	0	0							0	0	0					0	0	0	0	0
	Chư Mố	0	0	0	0	0	0							0	0	0					0	0	0	0	0
	Ìa Broãi	0	0	0	0	0	0							0	0	0					15	15	0	0	0
	Ìa Trok	0	0	0	0	0	0							0	0	0					0	0	0	0	0
4	Môi trường, Đất đai	54	0	54	54	54	0							0	0	0					72	73	0	0	0
	Pờ Tô	4	0	4	4	4	0							0	0	0					4	4	0	0	0
	Chư Răng	5	0	5	5	5	0							0	0	0					5	6	0	0	0
	Kim Tân	24	0	24	24	24	0							0	0	0					27	27	0	0	0
	Ìa Mron	15	0	15	15	15	0							0	0	0					28	28	0	0	0
	Ìa Kdăm	0	0	0	0	0	0							0	0	0					0	0	0	0	0

		0	0	0	0	0						0	0	0						0	0	0	0	0
Đa Tộc	4	0	4	4	4	0						0	0	0						6	6	0	0	0
Chư Mố		0	0	0	0	0						0	0	0						0	0	0	0	0
Đa Broái		0	2	2	2	0						0	0	0						2	2	0	0	0
Đa Trok		0										0	0	0										
5 Thi đua Khen thưởng	0	0	0	0	0	0						0	0	0						0	0	0	0	0
6 Chứng thực, sao y	4240	0	4240	4240	4240	0						0	0	0						6153	6153	0	0	0
Pờ Tô	496	0	496	496	496	0						0	0	0						658	658	0	0	0
Chư Răng	168	0	168	168	168	0						0	0	0						333	333	0	0	0
Kim Tân	412	0	412	412	412	0						0	0	0						533	533	0	0	0
Đa Mron	681	0	681	681	681	0						0	0	0						828	828	0	0	0
Đa Kdăm	612	0	612	612	612	0						0	0	0						1504	1504	0	0	0
Đa Tul	418	0	418	418	418	0						0	0	0						530	530	0	0	0
Chư Mố	264	0	264	264	264	0						0	0	0						180	180	0	0	0
Đa Broái	300	0	300	300	300	0						0	0	0						357	357	0	0	0
Đa Trok	889	0	889	889	889	0						0	0	0						1230	1230	0	0	0
7 Hộ tịch	852	0	852	852	852	0						0	0	0						1288	1288	0	0	0
Pờ Tô	256	0	256	256	256	0						0	0	0						314	314	0	0	0
Chư Răng	27	0	27	27	27	0						0	0	0						59	59	0	0	0
Kim Tân	55	0	55	55	55	0						0	0	0						111	111	0	0	0
Đa Mron	66	0	66	66	66	0						0	0	0						91	91	0	0	0
Đa Kdăm	39	0	39	39	39	0						0	0	0						70	70	0	0	0
Đa Tul	56	0	56	56	56	0						0	0	0						81	81	0	0	0
Chư Mố	213	0	213	213	213	0						0	0	0						307	307	0	0	0
Đa Broái	62	0	62	62	62	0						0	0	0						89	89	0	0	0
Đa Trok	78	0	78	78	78	0						0	0	0						166	166	0	0	0
8 Văn hóa	0	0	0	0	0	0						0	0	0						0	0	0	0	0
9 Hộ khẩu	457	0	457	457	457	0						0	0	0						619	619	0	0	0
Pờ Tô	105	0	105	105	105	0						0	0	0						125	125	0	0	0
Chư Răng	27	0	27	27	27	0						0	0	0						87	87	0	0	0
Kim Tân	57	0	57	57	57	0						0	0	0						94	94	0	0	0
Đa Mron	54	0	54	54	54	0						0	0	0						76	76	0	0	0
Đa Kdăm	18	0	18	18	18	0						0	0	0						18	18	0	0	0
Đa Tul	53	0	53	53	53	0						0	0	0						71	71	0	0	0
Chư Mố	46	0	46	46	46	0						0	0	0						51	51	0	0	0
Đa Broái	42	0	42	42	42	0						0	0	0						42	42	0	0	0
Đa Trok	55	0	55	55	55	0						0	0	0						55	55	0	0	0
10 Dân tộc	0	0	0	0	0	0						0	0	0						0	0	0	0	0